

PHƯƠNG ÁN

Ứng phó với bão mạnh và siêu bão tỉnh Ninh Bình

PHẦN I

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP PHƯƠNG ÁN, PHÂN CẤP VÀ CẤP ĐỘ RỦI RO, CÁC KỊCH BẢN BÃO MẠNH VÀ SIÊU BÃO

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP PHƯƠNG ÁN

1. Căn cứ pháp lý

Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Quyết định số 1857/QĐ-BTNMT, ngày 29/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “V/v Phê duyệt và công bố kết quả phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão cho khu vực ven biển Việt Nam”;

Quyết định số 1041/2014/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án quy hoạch tổng thể lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020;

Quyết định số 442A/QĐ-TCTS-KT BVNL ngày 04/9/2014 của Tổng cục Thủy sản về việc ban hành hướng dẫn tàu thuyền tránh, trú và neo đậu khi có bão và ATND;

Công văn số 65/TWPCTT, ngày 24/4/2018 của Ban chỉ đạo Trung ương về PCTT về việc rà soát, cập nhật phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão;

Căn cứ bản đồ ngập lụt do nước biển dâng trong tình huống bão mạnh, siêu bão đổ bộ vào thời kỳ chiều cường tỉnh Ninh Bình do Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu lập và được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt năm 2016.

2. Sự cần thiết

Tỉnh Ninh Bình nằm ở cực nam đồng bằng sông Hồng, có địa hình phức tạp, đa dạng với 03 vùng sinh thái: Vùng đồng bằng ven biển (huyện Kim Sơn) với chiều dài bờ biển 15km; vùng đồi núi (phía Tây và Tây Bắc huyện Nho Quan, phía Bắc - Đông Bắc huyện Gia Viễn, phần lớn thành phố Tam Điệp); vùng đồng bằng trũng trung tâm xen kẽ núi đá (các huyện: Yên Mô, Hoa Lư, Nho Quan, Gia Viễn).

Trong thời gian gần đây, cùng với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, trên thế giới đã xảy ra nhiều trận bão mạnh, siêu bão, gây thiệt hại lớn về người và tài sản như bão Katrina đổ bộ vào Hoa Kỳ năm 2005, bão Nargis đổ bộ vào Myanmar năm 2008, bão Bopha đổ bộ vào Philippin năm 2012,...Đặc biệt, siêu bão Haiyan năm 2013 là cơn bão mạnh nhất đổ bộ vào Philippin với gió mạnh trên cấp 17, nước dâng cao tới 7m, bão đã làm hơn 6.000 người chết và phá hủy nghiêm trọng cơ sở hạ tầng khu vực bão đổ bộ.

Nghiên cứu của Bộ Tài nguyên và Môi trường, vùng ven biển nước ta có nguy cơ bão mạnh, siêu bão đổ bộ với cường độ từ cấp 12, cấp 13 đến cấp 15, cấp 16 kèm theo nước dâng do bão từ 3-6m. Theo phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão của Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, Ninh Bình thuộc vùng 1 (Quảng Ninh – Thanh Hoá), là vùng có số cơn bão đổ bộ và ảnh hưởng nhiều nhất, với tần số trung bình năm là 1,0-1,5 cơn, cường độ bão ghi nhận được là cấp 15. Nước dâng do bão cao nhất đã xảy ra tới 3,5m, trong tương lai, khi bão có khả năng mạnh thêm, nước dâng do bão có thể lên đến 4m, trong trường hợp xảy ra vào thời kỳ triều cường, mực nước tổng cộng do bão có thể lên đến 5,7 – 6,0 m.

Do đó, việc xây dựng và ban hành một Phương án để ứng phó với các kịch bản bão mạnh và siêu bão để các cơ quan, đơn vị, người dân nghiên cứu thực hiện là cần thiết nhằm giảm thiệt hại về người và tài sản của nhà nước và nhân dân. Đặc biệt là cập nhật, bổ sung một số nội dung trong các văn bản pháp luật mới ban hành về thiên tai của Chính phủ, các bộ, ngành TW như: cấp độ rủi ro thiên tai, dự báo, cảnh báo thiên tai, phân công, phân cấp và trách nhiệm phối hợp trong ứng phó thiên tai.

II. PHÂN CẤP VÀ CẤP ĐỘ RỦI RO

1. Phân cấp bão (theo thang Beaufort)

- Bão cấp 8-9: có sức gió từ 62 km/h đến 88 km/h.
- Bão cấp 10-11 (bão mạnh): có sức gió 89 km/h đến 117 km/h.
- Bão cấp 12-15 (bão rất mạnh): có sức gió từ 118 km/h đến 183 km/h.
- Siêu bão (cấp 16-17 và trên cấp 17) có sức gió từ 184 đến 220 km/h và lớn hơn 220 km/h.

2. Cấp độ rủi ro do bão mạnh, siêu bão

2.1. Rủi ro thiên tai cấp 4:

- Bão rất mạnh từ cấp 12 đến cấp 15 hoạt động trên vùng biển ven bờ, đất liền khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ.
- Siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên biển Đông (bao gồm cả khu vực quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa).

2.2. Rủi ro thiên tai cấp 5:

- Siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên vùng biển ven bờ, đất liền khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ.

- Cấp độ rủi ro thiên tai do bão, áp thấp nhiệt đới được xem xét tăng thêm một cấp, đến cấp cao nhất là cấp 5, khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Bão hoạt động trên biển Đông (bao gồm cả khu vực quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa), vùng biển ven bờ kết hợp với hoạt động của gió mùa Đông Bắc, gió mùa Tây Nam mạnh;

- Áp thấp nhiệt đới, bão hoạt động trên đất liền nơi đang xảy ra mưa lớn, lũ, ngập lụt lớn hoặc trùng hợp với thời kỳ triều cường, nước biển dâng cao ở vùng ven bờ.

III. CÁC KỊCH BẢN BÃO MẠNH, SIÊU BÃO

Khi bão mạnh và siêu bão xuất hiện gần biển Đông hoặc trên biển Đông có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Ninh Bình sẽ gây gió lớn, nước biển dâng tại khu vực ven biển. Theo Bản đồ ngập lụt do nước biển dâng trong tình huống bão mạnh, siêu bão gây ra đối với khu vực tỉnh Ninh Bình của Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp năm 2016 có 05 kịch bản cụ thể như sau:

1. Kịch bản 1: Bão mạnh cấp 13 đổ bộ vào thời kỳ triều trung bình

Vùng ven bờ biển có gió mạnh cấp 13 tức là từ 149 km/h, nước biển có thể dâng đến 4,9m trong 1 giờ. Khu vực có nguy cơ ngập là vùng ven biển huyện Kim Sơn bao gồm: Vùng nuôi trồng thủy hải sản giữa đê biển Bình Minh II và Bình Minh III; 03 xã huyện Kim Sơn (*Kim Đông, Kim Trung, Kim Hải*) và 01 thị trấn (*Bình Minh*).

2. Kịch bản 2: Bão mạnh cấp 13 đổ bộ vào thời kỳ triều cường

Vùng ven bờ biển có gió mạnh cấp 13 tức là từ 149 km/h, nước biển có thể dâng đến 5,0m trong 1 giờ. Khu vực có nguy cơ ngập gồm 02 huyện là Kim Sơn và Yên Khánh. Huyện Kim Sơn gồm: Vùng nuôi trồng thủy hải sản giữa đê biển Bình Minh II và Bình Minh III; 20 xã (*Xuân Thiện, Hôi Ninh, Chính Tâm, Kim Định, Ân Hòa, Hùng Tiến, Quang Thiện, Như Hòa, Chát Bình, Đồng Hương, Kim Chính, Thượng Kiệm, Lưu Phương, Văn Hải, Kim Tân, Kim Mỹ, Cồn Thoi, Kim Hải, Kim Trung, Kim Đông*) và 01 thị trấn (*Bình Minh*). Huyện Yên Khánh gồm: 05 xã (*Khánh Cường, Khánh Thiện, Khánh Trung, Khánh Công, Khánh Thành*).

3. Kịch bản 3: Bão mạnh cấp 14 đổ bộ vào thời kỳ triều cường

Vùng ven bờ biển có gió mạnh cấp 14 tức là từ 166 km/h, nước biển có thể dâng đến 5,0m trong 2 giờ. Khu vực có nguy cơ ngập gồm 02 huyện là Kim Sơn và Yên Khánh. Huyện Kim Sơn gồm: vùng nuôi trồng thủy hải sản giữa đê biển Bình Minh II và Bình Minh III; 25 xã (*Xuân Thiện, Hôi Ninh, Chính Tâm, Kim Định, Ân Hòa, Hùng Tiến, Yên Mật, Quang Thiện, Như Hòa, Chát Bình, Đồng Hương, Kim Chính, Thượng Kiệm, Lưu Phương, Tân Thành, Yên Lộc, Lai Thành, Định Hóa, Văn Hải, Kim Tân, Kim Mỹ, Cồn Thoi, Kim Hải, Kim Trung, Kim Đông*) và 02 thị trấn (*Phát Diệm, Bình Minh*). Huyện Yên Khánh gồm: 09 xã (*Khánh Cường, Khánh Thiện, Khánh Trung, Khánh Mậu, Khánh Hội, Khánh Công, Khánh Thành, Khánh Nhạc, Khánh Hồng*) và 01 thị trấn (*Yên Ninh*).

4. Kịch bản 4: Bão mạnh cấp 15 đổ bộ vào thời kỳ triều cường

Vùng ven bờ biển có gió mạnh cấp 15 tức là từ 183 km/h, nước biển có thể dâng đến 5,1m trong 3 giờ. Khu vực có nguy cơ ngập gồm 02 huyện là Kim Sơn và Yên Khánh. Huyện Kim Sơn gồm: vùng nuôi trồng thủy hải sản giữa đê biển Bình Minh II và Bình Minh III; 25 xã (*Xuân Thiện, Hôi Ninh, Chính Tâm, Kim Định, Ân Hòa, Hùng Tiến, Yên Mật, Quang Thiện, Như Hòa, Chát Bình, Đồng Hương, Kim Chính, Thượng Kiệt, Lưu Phương, Tân Thành, Yên Lộc, Lai Thành, Định Hóa, Văn Hải, Kim Tân, Kim Mỹ, Cồn Thoi, Kim Hải, Kim Trung, Kim Đông*) và 02 thị trấn (*Phát Diệm, Bình Minh*). Huyện Yên Khánh gồm: 09 xã (*Khánh Cường, Khánh Thiện, Khánh Trung, Khánh Mậu, Khánh Hội, Khánh Công, Khánh Thành, Khánh Nhạc, Khánh Hồng*) và 01 thị trấn (*Yên Ninh*).

5. Kịch bản 5: Bão mạnh cấp 16 đổ bộ vào thời kỳ triều cường

Vùng ven bờ biển có gió mạnh từ cấp 16 đến cấp 17 tức là từ 184 km/h đến trên 220 km/h, nước biển có thể dâng đến 5,2m trong 3 giờ. Khu vực có nguy cơ ngập gồm 03 huyện là Kim Sơn, Yên Khánh, Yên Mô. Huyện Kim Sơn gồm: vùng nuôi trồng thủy hải sản giữa đê biển Bình Minh II và Bình Minh III; 25 xã (*Xuân Thiện, Hôi Ninh, Chính Tâm, Kim Định, Ân Hòa, Hùng Tiến, Yên Mật, Quang Thiện, Như Hòa, Chát Bình, Đồng Hương, Kim Chính, Thượng Kiệt, Lưu Phương, Tân Thành, Yên Lộc, Lai Thành, Định Hóa, Văn Hải, Kim Tân, Kim Mỹ, Cồn Thoi, Kim Hải, Kim Trung, Kim Đông*) và 02 thị trấn (*Phát Diệm, Bình Minh*). Huyện Yên Khánh gồm: 10 xã (*Khánh Cường, Khánh Thiện, Khánh Trung, Khánh Mậu, Khánh Hội, Khánh Công, Khánh Thành, Khánh Nhạc, Khánh Thủy, Khánh Hồng*) và 01 thị trấn (*Yên Ninh*). Huyện Yên Mô gồm: 01 xã (*Yên Nhân*).

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THEO CÁC KỊCH BẢN BÃO MẠNH VÀ SIÊU BÃO

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Chủ động trước mọi tình huống ứng phó với bão mạnh, siêu bão có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh, từ đó hạn chế thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, do bão mạnh, siêu bão gây ra.

- Các cấp, các ngành, các địa phương trên cơ sở phương án tổng thể của tỉnh, chủ động xây dựng phương án, kế hoạch riêng của địa phương mình sát với tình hình thực tế của địa phương nhằm ứng phó kịp thời, hiệu quả đối với từng tình huống mà bão mạnh, siêu bão gây ra.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng, nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố và chỉ huy, điều hành trong công tác quản lý, ứng phó với thiên tai, nhất là ứng phó kịp thời với bão mạnh, siêu bão.

2. Yêu cầu:

- Xây dựng các phương án phòng chống và khắc phục hậu quả ứng với các kịch bản về bão trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, phù hợp với phương án ứng phó bão

mạnh, siêu bão của các huyện, thành phố. Nguyên tắc xây dựng đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:

+ Theo phương châm “ba sẵn sàng” (Chủ động phòng tránh; Đối phó kịp thời; Khắc phục khẩn trương và có hiệu quả).

+ Xây dựng phương án phải đảm bảo cho 3 giai đoạn: Trước, trong và sau bão.

+ Theo phương châm “4 tại chỗ” (Chỉ huy tại chỗ; Lực lượng tại chỗ; Phương tiện, vật tư tại chỗ và Hậu cần tại chỗ).

- Các cấp, các ngành, địa phương thực hiện nghiêm việc xây dựng, tổ chức thực hiện phương án ứng phó cụ thể.

- Giúp chính quyền và nhân dân trong tỉnh chủ động triển khai các hành động, biện pháp cần thiết, hợp lý trước, trong và sau thiên tai xảy ra để phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hiệu quả.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng trong quản lý rủi ro thiên tai, nhất là ứng phó kịp thời với bão mạnh, siêu bão có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh.

II. TRIỂN KHAI PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ

1. Nhiệm vụ các tiểu ban

- Tiểu ban Tiền phương: Có nhiệm vụ trực tiếp xây dựng và đề xuất phương án hộ đê; kiểm tra, đôn đốc, trực tiếp chỉ huy điều hành việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện của tỉnh để giúp các địa phương xử lý, ứng phó, khắc phục khẩn cấp khi lũ, bão xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Tiểu ban Hậu phương: Xây dựng và phê duyệt phương án hậu phương, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác hậu phương của các ngành, đơn vị, địa phương, bảo đảm nguồn lực phục vụ tốt công tác xử lý, ứng cứu và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

- Tiểu ban Cứu hộ, cứu nạn: Xây dựng và phê duyệt phương án tìm kiếm cứu nạn phòng, chống lụt, bão của tỉnh; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành và các địa phương lập phương án, kế hoạch tìm kiếm cứu nạn cho từng vùng, từng loại hình thiên tai cụ thể; tổ chức tập huấn, diễn tập triển khai phương án tìm kiếm cứu nạn và trực tiếp chỉ huy công tác cứu hộ, cứu nạn, đảm bảo an toàn cho người và tài sản khi có thiên tai.

2. Lực lượng ứng phó

Sử dụng các lực lượng Quân đội, Công an, dân quân tự vệ, thanh niên tình nguyện, huy động Doanh nghiệp. *(Chi tiết có phụ lục số 3 kèm theo)*

3. Vật tư, phương tiện

- **Vật tư:** Vật tư dự trữ PCTT do tỉnh quản lý gồm: đá hộc: 34.920m³; đá 2x4: 422m³; bạt chống sóng: 53.100m²; bao tải: 357.985cái; vải lọc: 3.550m²; rọ thép: 2.154cái; dây thép: 13.710kg; mai, cuốc, xẻng: 2.758cái; cuốc chim, xà beng, búa, dao: 187cái. Khi có lệnh điều động vật tư PCTT (bao tải, rọ thép, mai, cuốc, xẻng, ...) cho huyện Nho Quan, Gia Viễn thì lấy tại kho Bến Đé, Ngô Đồng; các huyện Hoa Lư, Yên Khánh, Kim Sơn, Yên Mô, thành phố Ninh Bình thì lấy tại các kho Ninh Giang, kho Yên Khánh, kho Kim Sơn, và thành phố Ninh Bình.

- **Phương tiện:** Gồm: xe ≤ 16 chỗ; xe 25-29 chỗ; xe trên 45 chỗ; máy xúc, cầu; thuyền, xuồng máy; ô tô tải và ô tô các loại. (*Chi tiết có phụ lục 4 kèm theo*).

4. Lương thực, dược phẩm, nhu yếu phẩm: Gồm: mỳ ăn liền; lương khô; gạo; nước uống (*Chi tiết có phụ lục 6 kèm theo*).

III. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THEO CÁC KỊCH BẢN BÃO MẠNH VÀ SIÊU BÃO

1. Khi bão mạnh và siêu bão gần biển Đông.

1.1. Đối với Ban chỉ huy PCTT & TKCN các cấp

- Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh: Ban hành công điện thứ nhất về đối phó với cơn bão, trong đó yêu cầu các cấp ngành:

+ Thông báo cho các chủ phương tiện đang hoạt động trên biển biết vị trí, hướng di chuyển và diễn biến bão để chủ động phòng tránh.

+ Khẩn trương thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp với phương châm “xanh nhà hơn già đồng”.

+ Sẵn sàng lực lượng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn để ứng cứu khi có yêu cầu.

+ Đóng các cống tưới, mở các cống tiêu; chủ động tiêu nước, đề phòng mưa lớn gây ngập úng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

+ Tổ chức trực ban nghiêm túc, theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão trên các phương tiện thông tin đại chúng, thường xuyên báo cáo về Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh.

- Ban chỉ huy PCTT & TKCN các huyện, thành phố:

+ Huyện Kim Sơn chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn kiểm đếm, thông báo, kêu gọi toàn bộ tàu thuyền đang hoạt động ngoài khơi ra khỏi vùng nguy hiểm hoặc về bờ; kiểm soát chặt chẽ tàu thuyền hoạt động ở ven biển, cửa sông; đồng thời kiểm đếm số lượng các chòi, đầm nuôi trồng thủy, hải sản, các hộ dân sinh sống ngoài đê biển Bình Minh II.

+ Các huyện, thành phố còn lại rà soát các phương án đã xây dựng để sẵn sàng lực lượng, phương tiện để đối phó và ứng cứu khi có yêu cầu.

1.2. Đối với các sở, ngành

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: chỉ đạo các huyện, thành phố rà soát các phương án bảo vệ trọng điểm đối với các công trình đê, kè, cống; tổ chức thường trực phòng, chống lụt, bão; chỉ đạo Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi chủ động tiêu thoát nước đê nội đồng, rà soát, kiểm tra các công trình thủy nông; đôn đốc các địa phương thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp đến kỳ thu hoạch; tổng hợp công tác chuẩn bị đối phó với bão của các cấp, các ngành báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai.

- Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng Ninh Bình phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chính quyền địa phương kiểm tra nắm chắc số lượng tàu thuyền và thuyền viên. Thông báo cho ngư dân biết và theo dõi tọa độ

của bão, cường độ, hướng di chuyển và bán kính ảnh hưởng bão và hướng dẫn ngư dân phòng, tránh bão; nắm chắc số tàu thuyền còn trên biển chưa vào nơi trú tránh, số tàu thuyền đã vào nơi trú tránh và tổ chức sắp xếp việc neo đậu đối với các tàu thuyền đã về nơi neo đậu đồng thời xử lý kịp thời các tình huống sự cố của tàu thuyền (*việc hướng dẫn tàu thuyền tránh, trú và neo đậu khi có bão thực hiện theo Quyết định số 442^A/QĐ-TCTS-KTBNL ngày 04/9/2014 của Tổng cục Thủy sản về việc ban hành hướng dẫn tàu thuyền tránh, trú và neo đậu khi có bão và ATNĐ*) báo cáo Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh và Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: rà soát lực lượng, phương tiện sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn để ứng cứu khi có yêu cầu.

- Công An tỉnh: rà soát các phương án đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn, các trọng điểm phòng chống lụt bão xung yếu; chú ý việc đảm bảo an ninh ở các khu vực trú đậu của tàu thuyền, khu vực dự kiến sơ tán nhân dân.

- Sở Công Thương và Công ty TNHH MTV điện lực tỉnh: Rà soát Phương án chuẩn bị, dự trữ, cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân trước và sau bão; Phương án phòng chống bão đối với các công trình, kho tàng, trụ sở của ngành; Phương án đảm bảo an toàn hệ thống, mạng lưới điện cho tất cả các cấp điện thế.

- Sở Y tế: Kiểm tra, chuẩn bị cơ sở thuốc, cơ sở y cụ đảm bảo đầy đủ theo Kế hoạch và có phương án sẵn sàng hỗ trợ địa phương khắc phục hậu quả.

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thường xuyên thông tin về bão, tác động và ảnh hưởng của bão, các giải pháp phòng, tránh và ứng phó với bão; thông báo các chỉ đạo của cấp trên về diễn biến của cơn bão cho nhân dân biết để chủ động phòng tránh.

- Đài Khí tượng thủy văn tỉnh thường xuyên cập nhật tình hình diễn biến của cơn bão, tình hình thời tiết của tỉnh, báo cáo Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh, đồng thời cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh.

- Các sở, ngành khác rà soát các phương án đối phó với bão của đơn vị, ngành mình.

1.3. Đối với chủ phương tiện, thuyền trưởng và ngư dân

- Theo dõi trên các phương tiện thông tin đại chúng về diễn biến của bão. Đồng thời phải giữ liên lạc thường xuyên giữa tàu thuyền với chính quyền địa phương và gia đình.

- Chủ phương tiện và thuyền trưởng có trách nhiệm báo cáo đến Chính quyền địa phương, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng và các cơ quan có liên quan về số lượng, số hiệu tàu thuyền, số người trên tàu, vị trí tàu đang hoạt động trên biển. Không cho tàu thuyền đi vào khu vực ảnh hưởng của bão và có trách nhiệm đưa tàu thuyền thoát ra khỏi vùng nguy hiểm hoặc tìm nơi trú tránh an toàn.

- Chủ phương tiện phải thường xuyên thông báo các tin dự báo, cảnh báo bão đến các thành viên trên tàu thuyền và yêu cầu các thành viên phải thực hiện ngay các biện pháp để đảm bảo an toàn cho người và phương tiện. Thực hiện nội dung công điện của Trung ương, công điện của Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh, sự chỉ đạo của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan.

1.4. Đối với cộng đồng dân cư

- Thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo, cảnh báo về diễn biến của bão trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện nội dung công điện của UBND tỉnh và sự chỉ đạo trực tiếp của Chính quyền địa phương.

- Chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết cho gia đình. Tổ chức chằng chống nhà cửa, chặt tỉa cành cây xung quanh nhà để tránh gãy, đổ khi bão đổ bộ vào.

- Tổ chức thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, thủy, hải sản đang và sắp đến giai đoạn thu hoạch. Đối với các sản phẩm nông nghiệp, thủy, hải sản chưa đến giai đoạn thu hoạch ở vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng của bão phải gia cố, chằng buộc để bảo vệ hoặc di dời nếu có thể đến nơi an toàn.

- Chuẩn bị các vật dụng cá nhân cần thiết để sẵn sàng sơ tán theo chỉ đạo của chính quyền.

- Tham gia cùng chính quyền địa phương và cộng đồng trong việc phòng tránh bão.

2. Bão mạnh và siêu bão gần bờ, khẩn cấp

2.1. Đối với Ban chỉ huy PCTT & TKCN các cấp

- Tổ chức trực ban lãnh đạo và cơ quan tham mưu 24/24 giờ để nắm chắc diễn biến tình hình, dự kiến các tình huống xấu nhất có thể xảy ra; phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng ứng phó tại chỗ với lực lượng chi viện của cấp trên để khẩn trương bố trí cán bộ trực tiếp đến các địa bàn xung yếu cùng với cấp ủy - chính quyền địa phương chỉ đạo công tác ứng phó kịp thời và có hiệu quả. Triển khai các phương án, kế hoạch phòng, chống bão, hộ đê, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ của địa phương, đơn vị mình. Báo cáo kết quả triển khai đối phó, tình hình về gió bão, mưa, lũ lụt các sự cố do bão gây ra tại địa phương về Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh.

- Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh: Ban hành công điện đối phó khẩn cấp với cơn bão mạnh, trong đó yêu cầu các ngành, địa phương:

+ Nghiêm cấm tàu thuyền ra khơi, yêu cầu tàu thuyền ngoài khơi tìm nơi trú tránh hoặc thoát ra khỏi vùng nguy hiểm. Khẩn trương kiểm tra, rà soát toàn bộ số tàu thuyền trên địa bàn; tiếp tục kêu gọi, hướng dẫn tàu thuyền còn đang hoạt động trên biển, trên sông di chuyển ngay vào nơi tránh trú bão an toàn; bố trí, sắp xếp tàu, thuyền tại khu neo đậu tránh va đập gây vỡ và chìm tàu, không để người ở lại trên các tàu, thuyền tại nơi neo đậu.

+ Tổ chức di chuyển toàn bộ số lao động nuôi ngao, nuôi trồng thủy hải sản ngoài đê Bình Minh II; các hộ dân nằm trong vùng ngập lụt, các hộ ở các khu vực nguy hiểm, ở trong các nhà yếu; ngư dân trên các tàu, thuyền đã vào khu neo đậu đến nơi an toàn, hoàn thành trước thời điểm bão đổ bộ vào là 12 giờ.

+ Kiểm tra và triển khai các phương án phòng, chống lụt, bão, bảo vệ an toàn các trọng điểm đề điều xung yếu. Duy trì lực lượng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn để sẵn sàng ứng cứu khi có yêu cầu.

+ Tổ chức chặt, tủa cành cây, chằng chống nhà cửa, công trình, kho tàng, bến bãi; chủ động cho học sinh nghỉ học, hoãn các cuộc họp không cần thiết tập trung chỉ đạo phòng chống bão lũ.

+ Thành viên Ban chỉ huy phòng chống thiên tai các cấp và cán bộ kỹ thuật làm công tác phòng chống lụt bão đến ngay vị trí được phân công để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc phòng, chống bão.

- Ban chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố:

+ Huyện Kim Sơn triển khai khẩn cấp các phương án đối phó với bão mạnh, siêu bão; nghiêm cấm tàu, thuyền ra khơi. Khẩn trương di dời lao động trên các chòi, đầm nuôi trồng thủy, hải sản, các lao động đang hoạt động ngoài đê Bình Minh II, các hộ dân nằm trong vùng ngập lụt, các hộ ở các khu vực nguy hiểm, ở trong các nhà yếu; ngư dân trên các tàu, thuyền đã vào khu neo đậu đến nơi an toàn. Tổ chức chặt, tủa cành cây, chằng chống nhà cửa, công trình, kho tàng, bến bãi nhanh nhất; tổng hợp số liệu báo cáo Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh trước các thời điểm 12 giờ, 14 giờ, 16 giờ, 18 giờ, 20 giờ và các thời điểm khác theo yêu cầu. Các công việc trên phải hoàn thành trước thời điểm bão đổ bộ vào là 12 giờ.

+ Các huyện, thành phố còn lại khẩn trương di dời người ở các hộ dân nằm trong vùng ngập lụt, các hộ ở các khu vực nguy hiểm, ở trong các nhà yếu (*Nhà không được thiết kế, xây dựng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Nhà nước*). Tổ chức chặt, tủa cành cây, chằng chống nhà cửa, công trình, kho tàng, bến bãi nhanh nhất; tổng hợp số liệu báo cáo Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh trước các thời điểm 12 giờ, 14 giờ, 16 giờ, 18 giờ, 20 giờ và các thời điểm khác theo yêu cầu. Các công việc trên phải hoàn thành trước thời điểm bão đổ bộ vào là 12 giờ.

2.2. Đối với các địa phương

- Lãnh đạo địa phương có trách nhiệm chỉ đạo việc triển khai các biện pháp bảo vệ đề điều, hồ đập; phát động nhân dân chằng chống nhà cửa đề phòng gió bão. Có kế hoạch bảo vệ kho tàng, bến bãi, nơi chứa hóa chất, nhà cửa, cơ sở hạ tầng,... tránh thiệt hại do nước biển dâng và gió bão gây ra;

- Chỉ đạo trực tiếp công tác di dời dân vùng cửa sông, ven biển, nhà ở không đảm bảo an toàn; đặc biệt là sơ tán dân từ các chòi, đầm nuôi trồng thủy, hải sản phía ngoài tuyến đê Bình Minh II, các hộ dân nằm trong vùng ngập lụt, các hộ ở các khu vực nguy hiểm, ở trong các nhà yếu tới các nhà kiên cố trên địa bàn huyện, thành phố theo phương án đã được phê duyệt của từng huyện, thành phố; tổ chức sơ tán và quản lý người sơ tán trong suốt quá trình tránh bão; các đơn vị tiếp nhận sơ tán phải thành lập các ban tiếp nhận để sắp xếp, bố trí nơi ăn, ở và chăm sóc sức khỏe cho người dân sơ tán. Công việc này phải được hoàn thành trước 12 giờ so với thời điểm dự báo bão sẽ đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh.

- Triển khai Phương án phòng chống bão mạnh, siêu bão cho các công trình đang thi công dở dang, các nhà cao tầng, tháp cầu, cột ăng ten thu sóng, cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng, cấp nước,... đảm bảo an toàn.

2.3. Đối với công tác sơ tán dân phòng tránh nước biển dâng do bão mạnh, siêu bão ở vùng ven biển và cửa sông được thực hiện theo phương án và các kịch bản như sau:

2.3.1. Phương án sơ tán nhân dân:

- Phát lệnh sơ tán: Tùy theo tình hình, Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng ban Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh phát lệnh sơ tán nhân dân.

- Chỉ huy công tác sơ tán nhân dân: Chủ tịch UBND huyện, thành phố.

- Lực lượng và phương tiện hỗ trợ sơ tán nhân dân: Huy động lực lượng gồm: Quân đội, Công an, Y tế, Chữa thập đỏ, Thanh niên xung kích, Đoàn Thanh niên... cùng các phương tiện để giúp dân di chuyển nhanh.

- Hình thức sơ tán: Người dân tự đi sơ tán là chính, di dân tại chỗ, di dân từ nhà bán kiên cố sang nhà kiên cố, di dân vào các công sở, cơ quan, đơn vị, trường học...ưu tiên sơ tán trước cho người già, trẻ em, phụ nữ, người bệnh. Đặc biệt chú ý đề phòng bão kết hợp với sóng lớn và mưa lũ lớn, ngập sâu, lũ quét, sạt lở đất, vùng hạ du các hồ chứa.

- Người sơ tán phải mang theo nhu yếu phẩm cần thiết để sử dụng trong thời gian sơ tán.

- Phải có phương án chuẩn bị lương thực, nước uống, thuốc dự phòng tối thiểu, vệ sinh môi trường, bếp... tại nơi sơ tán; có phương án đảm bảo an toàn, an ninh trật tự nơi sơ tán.

- Chủ tịch UBND các huyện, thành thành phố quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán những trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai.

2.3.2. Dự kiến số hộ sơ tán: Tổ chức sơ tán nhân dân trong vùng bão với kịch bản dự báo bão như sau:

Kịch bản I - Bão cấp 13 kết hợp triều cường trung bình: Dự kiến di dời, sơ tán 2.244 người dân trên địa bàn huyện Kim Sơn. Trong đó di dời tại chỗ là 506 người dân, sơ tán sang địa phương khác 1.738 người.

TT	Tên xã, phường, thị trấn	Diện tích ngập sâu từ 1m trở lên (ha)	Số người cần di dời, sơ tán (người)			Ghi chú (vị trí ngập)
			Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	
1	Khu vực ngoài đê Bình Minh II	1.463,6		1.738	1.738	Bình Minh II - Bình Minh III
2	Kim Hải	46,8	269		269	Giáp sông Càn
3	Kim Đông	36,9	237		237	Giáp sông Đáy
	Tổng	1.547,3	506	1.738	2.244	

Kịch bản II - Bão cấp 13 kết hợp triều cường: Dự kiến di dời, sơ tán 20.413 người dân trên địa bàn 02 huyện Kim Sơn và Yên Khánh. Trong đó di dời tại chỗ là 17.307 người dân, sơ tán sang địa phương khác 3.106 người.

TT	Tên xã, phường, thị trấn	Diện tích ngập sâu từ 1m trở lên (ha)	Số người cần di dời, sơ tán (người)			Ghi chú (vị trí ngập)
			Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	
I	H. Kim Sơn	2.766,5	11.093	2.363	13.456	
1	Khu vực ngoài đê Bình Minh II	1.463,6		1.738	1.738	Bình Minh II - Bình Minh III
2	Bình Minh	90,6	379		379	Giáp sông Đáy
3	Xuân Thiện	83,7	607		607	Giáp sông Đáy
4	Hồi Ninh	47,8	409		409	Giáp sông Đáy
5	Chính Tâm	93,8	898		898	Giáp sông Đáy
6	Kim Định	66,4	815		815	Giáp sông Đáy
7	Ân Hòa	53,5	532		532	Giáp sông Đáy
8	Hùng Tiến	24,8	286		286	Giáp sông Đáy
9	Quang Thiện	45,2	503		503	Giáp sông Đáy
10	Như Hòa	16,8	171		171	Giáp sông Đáy
11	Chát Bình	209,6	1.300	625	1.925	Giáp sông Đáy
12	Đồng Hương	52,4	642		642	Giáp sông Đáy
13	Kim Chính	18,5	188		188	Giáp sông Đáy
14	Thượng Kiệm	34,6	355		355	Giáp sông Đáy
15	Lưu Phương	55,2	607		607	Giáp sông Đáy
16	Kim Tân	139,3	1.184		1.184	Giáp sông Đáy
17	Cồn Thoi	116,4	1.267		1.267	Giáp sông Đáy
18	Kim Hải	60,0	345		345	Giáp sông Càn
19	Kim Đông	94,3	605		605	Giáp sông Đáy
II	H. Yên Khánh	788,1	6.214	743	6.957	
1	Khánh Cường	189,1	1.488		1.488	Giáp sông Đáy
2	Khánh Thiện	14,2	230		230	Giáp sông Đáy
3	Khánh Trung	151,6	1.496		1.496	Giáp sông Đáy
4	Khánh Công	230,1	1.500	285	1.785	Giáp sông Đáy
5	Khánh Thành	203,1	1.500	458	1.958	Giáp sông Đáy
	Tổng	3.555	17.307	3.106	20.413	

Kịch bản III - Bảo cấp 14 kết hợp triều cường: Dự kiến di dời, sơ tán 25.403 người dân trên địa bàn 02 huyện Kim Sơn và Yên Khánh. Trong đó di dời tại chỗ là 21.030 người dân, sơ tán sang địa phương khác 4.013 người.

TT	Tên xã, phường, thị trấn	Diện tích ngập sâu từ 1m trở lên (ha)	Số người cần di dời, sơ tán (người)			Ghi chú (vị trí ngập)
			Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	
I	H. Kim Sơn	3.101	14.329	2.438	16.767	
1	Khu vực ngoài đê Bình Minh II	1.463,6		1.738	1.738	Bình Minh II - Bình Minh III
2	Bình Minh	92,6	387		387	Giáp sông Đáy
3	Xuân Thiện	88,8	643		643	Giáp sông Đáy
4	Hồi Ninh	56,1	480		480	Giáp sông Đáy
5	Chính Tâm	95,8	917		917	Giáp sông Đáy
6	Kim Định	95,7	1.175		1.175	Giáp sông Đáy
7	Ân Hòa	83,9	834		834	Giáp sông Đáy
8	Hùng Tiến	43,6	501		501	Giáp sông Đáy
9	Quang Thiện	60,2	669		669	Giáp sông Đáy
10	Như Hòa	18,9	192		192	Giáp sông Đáy
11	Chát Bình	217,8	1.300	700	2.000	Giáp sông Đáy
12	Đồng Hương	58,3	714		714	Giáp sông Đáy
13	Kim Chính	48,2	488		488	Giáp sông Đáy
14	Thượng Kiệt	74,8	767		767	Giáp sông Đáy
15	Lưu Phương	68,8	756		756	Giáp sông Đáy
16	Kim Tân	217,7	1.850		1.850	Giáp sông Đáy
17	Cồn Thoi	150,8	1.642		1.642	Giáp sông Đáy
18	Kim Hải	70,0	402		402	Giáp sông Càn
19	Kim Đông	95,4	612		612	Giáp sông Đáy
II	H. Yên Khánh	931,6	6.701	1.575	8.276	
1	Khánh Cường	193,6	1.500	23	1.523	Giáp sông Đáy
2	Khánh Thiện	24,4	395		395	Giáp sông Đáy
3	Khánh Trung	213,5	1.600	507	2.107	Giáp sông Đáy
4	Khánh Mậu	23,3	206		206	Giáp sông Mới
5	Khánh Công	266,4	1.500	567	2.067	Giáp sông Đáy
6	Khánh Thành	205,1	1.500	478	1.978	Giáp sông Đáy
	Tổng	4.033	21.103	4.013	25.043	

Kịch bản IV - Bão cấp 15 kết hợp triều cường: Dự kiến di dời, sơ tán 34.566 người dân trên địa bàn 02 huyện Kim Sơn và Yên Khánh. Trong đó di dời tại chỗ là 28.037 người dân, sơ tán sang địa phương khác 6.529 người.

TT	Tên xã, phường, thị trấn	Diện tích ngập sâu từ 1m trở lên (ha)	Số người cần di dời, sơ tán (người)			Ghi chú (vị trí ngập)
			Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	
I	H. Kim Sơn	3.772,6	19.673	3.907	23.580	
1	Khu vực ngoài đê Bình Minh II	1.463,6		1.738	1.738	Bình Minh II - Bình Minh III
2	Bình Minh	98,4	412		412	Giáp sông Đáy
3	Xuân Thiện	94,9	688		688	Giáp sông Đáy
4	Hồi Ninh	184,8	1.581		1.581	Giáp sông Đáy
5	Chính Tâm	108,5	1.038		1.038	Giáp sông Đáy
6	Kim Định	214,3	1.700	930	2.630	Giáp sông Đáy
7	Ân Hòa	160,8	1.599		1.599	Giáp sông Đáy
8	Hùng Tiến	98,7	1.135		1.135	Giáp sông Đáy
9	Quang Thiện	68,0	756		756	Giáp sông Đáy
10	Như Hòa	55,2	562		562	Giáp sông Đáy
11	Chát Bình	276,5	1.300	1.239	2.539	Giáp sông Đáy
12	Đồng Hương	92,5	1.132		1.132	Giáp sông Đáy
13	Kim Chính	79,9	809		809	Giáp sông Đáy
14	Thượng Kiệt	108,7	1.114		1.114	Giáp sông Đáy
15	Lưu Phương	87,4	960		960	Giáp sông Đáy
16	Kim Tân	240,8	2.046		2.046	Giáp sông Đáy
17	Cồn Thoi	159,2	1.734		1.734	Giáp sông Đáy
18	Kim Hải	74,1	425		425	Giáp sông Càn
19	Kim Đông	106,3	682		682	Giáp sông Đáy
II	H. Yên Khánh	1.233,7	8.364	2.622	10.986	
1	Khánh Cường	256,4	1.500	517	2.017	Giáp sông Đáy
2	Khánh Thiện	26,4	428	-	428	Giáp sông Đáy
3	Khánh Trung	237,3	1.600	741	2.341	Giáp sông Đáy
4	Khánh Mậu	105,0	927		927	Giáp sông Mới
5	Khánh Hội	98,1	909	-	909	Giáp sông Đáy
6	Khánh Công	296,8	1.500	803	2.303	Giáp sông Đáy
7	Khánh Thành	213,7	1.500	561	2.061	Giáp sông Đáy
	Tổng	5.006,3	28.037	6.529	34.566	

Kịch bản V - Bão cấp 16 kết hợp triều cường: Dự kiến di dời, sơ tán 41.819 người dân trên địa bàn 02 huyện Kim Sơn và Yên Khánh. Trong đó di dời tại chỗ là 34.546 người dân, sơ tán sang địa phương khác 7.273 người.

TT	Tên xã, phường, thị trấn	Diện tích ngập sâu từ 1m trở lên (ha)	Số người cần di dời, sơ tán (người)			Ghi chú (vị trí ngập)
			Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng	
I	H. Kim Sơn	4.448,3	25.639	4.104	29.743	
1	Khu vực ngoài đê Bình Minh II	1.463,6		1.738	1.738	Bình Minh II - Bình Minh III
2	Bình Minh	214,5	897		897	Giáp sông Đáy
3	Xuân Thiện	95,1	689		689	Giáp sông Đáy
4	Hồi Ninh	187,1	1.601		1.601	Giáp sông Đáy
5	Chính Tâm	109,7	1.050		1.050	Giáp sông Đáy
6	Kim Định	214,4	1.700	932	2.632	Giáp sông Đáy
7	Ân Hòa	203,8	2.026		2.026	Giáp sông Đáy
8	Hùng Tiến	142,8	1.642		1.642	Giáp sông Đáy
9	Quang Thiện	113,6	1.262		1.262	Giáp sông Đáy
10	Như Hòa	113,6	1.155		1.155	Giáp sông Đáy
11	Chát Bình	276,5	1.300	1.239	2.539	Giáp sông Đáy
12	Đồng Hướng	131,3	1.606		1.606	Giáp sông Đáy
13	Kim Chính	159,3	1.613		1.613	Giáp sông Đáy
14	Thượng Kiệt	122,8	1.260		1.260	Giáp sông Đáy
15	Lưu Phương	94,9	1.043		1.043	Giáp sông Đáy
16	Kim Tân	270,1	2.100	195	2.295	Giáp sông Đáy
17	Kim Mỹ	81,2	1.087		1.087	Giáp sông Đáy
18	Cồn Thoi	177,8	1.936		1.936	Giáp sông Càn
19	Kim Hải	148,2	851		851	Giáp sông Đáy
20	Kim Đông	128,0	821		821	
II	H. Yên Khánh	1.358	8.907	3.169	12.076	Giáp sông Đáy
1	Khánh Cường	288,8	1.500	772	2.272	Giáp sông Đáy
2	Khánh Thiện	26,4	427	-	427	Giáp sông Đáy
3	Khánh Trung	254,4	1.600	911	2.511	Giáp sông Mới
4	Khánh Mậu	164,5	1.400	53	1.453	Giáp sông Đáy
5	Khánh Hội	105,8	980	-	980	Giáp sông Đáy
6	Khánh Công	300,4	1.500	832	2.332	Giáp sông Đáy
7	Khánh Thành	217,9	1.500	601	2.101	Giáp sông Đáy
	Tổng	58.06,3	34.546	7.273	41.819	

2.4. Đối với các sở, ngành:

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giao thông Vận tải tỉnh, Lực lượng Thanh niên xung kích tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh bố trí lực lượng, cán bộ, chiến sĩ, huy động các phương tiện, trang thiết bị để tham gia giúp nhân dân sơ tán, di dời dân, tìm kiếm cứu nạn - cứu hộ, đặc biệt là tại các khu vực xung yếu. Sẵn sàng phối hợp với các đơn vị, hỗ trợ, tiếp ứng cho các địa phương khi cần thiết.

- **Công An tỉnh:** Triển khai các lực lượng để bảo vệ an ninh trật tự tại các công trình trọng điểm xung yếu, khu vực trú đậu của tàu thuyền, khu vực sơ tán dân, tài sản của nhân dân; ngăn ngừa các đối tượng xấu lợi dụng khi bão xảy ra để trộm cắp, cướp giật.

- **Sở Y tế:** Chuẩn bị thuốc và huy động lực lượng y bác sĩ, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với địa phương phục vụ việc sơ cứu, cấp cứu người bị thương, phòng ngừa dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân trong vùng ảnh hưởng.

- **Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh:** Thực hiện việc bắn pháo hiệu báo bão theo đúng quy định. Nghiêm cấm tàu thuyền ra khơi, kiên quyết kêu gọi toàn bộ tàu thuyền đang hoạt động ngoài khơi tìm nơi trú tránh hoặc thoát ra khỏi vùng nguy hiểm, hướng dẫn tàu thuyền còn đang hoạt động trên biển, trên sông di chuyển ngay vào nơi tránh trú bão an toàn. Tổ chức đôn đốc, cưỡng chế người, phương tiện vào nơi tránh trú bão; hướng dẫn, sắp xếp neo đậu tàu thuyền tại bến; tuyệt đối không để người ở lại trên tàu, thuyền, lều, chòi canh khi bão đổ bộ; tuyệt đối không để người ở lại trên tàu thuyền, lồng bè khi bão đổ bộ.

- **Sở Giao thông Vận tải:** Phối hợp chính quyền địa phương bố trí lực lượng hướng dẫn điều tiết giao thông tại các bến phà, đò ngang, đò dọc để nhân dân chuyển hướng di chuyển, không tập trung đi lại tại các bến tàu vận tải hành khách trong thời gian bão có khả năng đổ bộ vào hoặc theo cảnh báo của cơ quan chức năng, chính quyền địa phương. Thông báo đình chỉ hoạt động các bến phà, đò ngang, đò dọc để đảm bảo an toàn khi có lệnh của Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh. Chuẩn bị phương tiện, vật tư kịp thời khắc phục sự cố tại các khu vực bị sạt lở trên các trục giao thông chính; hỗ trợ các địa phương để khôi phục hệ thống giao thông nông thôn.

- **Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh:**

+ Đảm bảo an toàn các cơ sở phát thanh, truyền hình; các công trình viễn thông, các trụ ăng ten trong khu dân cư; Phương án dự phòng và đảm bảo an toàn, thông suốt liên lạc từ Trung ương đến địa phương.

+ Triển khai phương án thông tin truyền thông bằng các hình thức, kịp thời phát tin bão, các giải pháp phòng, tránh và ứng phó với bão; các công điện, văn bản Chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh cho chính quyền, cộng đồng, người dân biết để chủ động phòng tránh.

+ Triển khai Phương án phân công phóng viên đến các vùng trọng điểm về thiên tai để kịp thời đưa tin về tình hình thiên tai.

- **Sở Tài nguyên và Môi trường:** Triển khai phương án bảo vệ kho tàng, kho hóa chất, các bãi rác đảm bảo an toàn khi mưa, bão gây ngập úng trên diện rộng. Triển khai phương án đảm bảo an toàn vệ sinh, môi trường.

- **Sở Công Thương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:** Tổ chức trợ giúp, cung ứng hàng hóa, chất đốt, lương thực, thực phẩm thiết yếu... cho người dân phải sơ tán, di dời tránh bão, không để người dân thiếu đói.

- **Sở Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn:** Chỉ đạo các huyện, thành phố triển khai lực lượng, phương tiện, vật tư bảo vệ trọng điểm đối với các công trình đê, kè, cống; huy động lực lượng cán bộ kỹ thuật tăng cường cho các huyện, thành phố triển khai chống bão; phối hợp với lực lượng Bộ đội Biên phòng tỉnh, Ban chỉ huy PCTT & TKCN huyện Kim Sơn hướng dẫn neo đậu tàu thuyền; tổ chức thường trực phòng, chống lụt, bão; chỉ đạo Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi có phương án đảm bảo an toàn cho các công trình, vận hành tiêu thoát nước đệm nội đồng một cách triệt để; đôn đốc các địa phương thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp đến kỳ thu hoạch; tổng hợp công tác đối phó với bão của các cấp, các ngành báo cáo UBND tỉnh và Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai.

- **Sở Giáo dục và Đào tạo:** Triển khai phòng, chống bão đảm bảo an toàn cho học sinh, trường học. Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh & Xã hội và chính quyền địa phương kiểm tra các cơ sở giáo dục, cơ sở dạy nghề và triển khai chống bão, bảo đảm an toàn cho người và tài sản; yêu cầu các cơ sở giáo dục, cơ sở dạy nghề tổ chức cho học sinh, học viên nghỉ học trước 12 giờ so với thời điểm dự báo bão đổ bộ.

- **Đài khí tượng thủy văn tỉnh:** Thường xuyên cập nhật tình hình diễn biến của cơn bão, tình hình thời tiết, đặc biệt là phải làm tốt công tác cảnh báo nước biển dâng do bão. Trong thời gian bão gần bờ, khẩn cấp, cần tăng cường thời lượng dự báo, cảnh báo cho Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan biết để chỉ đạo các biện pháp phòng tránh có hiệu quả.

2.5. Đối với chủ phương tiện, thuyền trưởng và ngư dân.

- Theo dõi trên các phương tiện thông tin đại chúng về diễn biến của bão. Đồng thời phải giữ liên lạc thường xuyên giữa tàu thuyền với chính quyền địa phương và gia đình.

- Chủ phương tiện và thuyền trưởng có trách nhiệm báo cáo đến chính quyền địa phương, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Chi cục Thủy sản và các cơ quan có liên quan về số lượng, số hiệu tàu thuyền, số người trên tàu, vị trí tàu đang hoạt động trên biển. Không cho tàu thuyền ra khơi, đi vào khu vực ảnh hưởng của bão và có trách nhiệm đưa tàu thuyền thoát ra khỏi vùng nguy hiểm hoặc tìm nơi trú tránh an toàn.

- Chủ phương tiện phải thường xuyên thông báo các tin dự báo, cảnh báo bão đến các thành viên trên tàu thuyền và yêu cầu các thành viên phải thực hiện ngay các biện pháp để đảm bảo an toàn cho người và phương tiện. Thực hiện nội

dung công điện của Trung ương, UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh và sự chỉ đạo của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan.

- Đối với tàu thuyền đã vào nơi trú tránh bão, chủ phương tiện, thuyền trưởng và các thuyền viên trên tàu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người và tàu.

2.6. Đối với cộng đồng dân cư

- Cộng đồng dân cư phải thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo, cảnh báo về diễn biến của bão trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện nội dung công điện của Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh và sự chỉ đạo trực tiếp của chính quyền địa phương.

- Đối với vùng có nguy cơ ngập bởi nước dâng do bão thì thực hiện sơ tán theo lệnh của chính quyền địa phương.

- Bổ sung dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm. Tổ chức chằng chống nhà cửa, tiếp tục chặt tỉa cành cây ở gần nhà để đảm bảo an toàn khi bão đổ bộ vào.

- Tiếp tục tổ chức gia cố bờ vùng, bờ thửa,... để bảo vệ sản xuất, chuẩn bị các phương tiện bơm tát sẵn sàng bơm tiêu chống úng đối với các vùng trũng, thấp có nguy cơ bị ngập úng.

- Khi bão đổ bộ không ra ngoài nếu không có nhiệm vụ, đặc biệt vào thời điểm lặng gió. Đồng thời phối hợp cùng chính quyền địa phương tham gia sắp xếp tàu thuyền nơi neo đậu và tham gia giữ gìn trật tự an ninh nơi ở và nơi sơ tán.

3. Bão mạnh và siêu bão đổ bộ vào đất liền.

3.1. Đối với Ban chỉ huy PCTT & TKCN các cấp

- Đảm bảo chế độ trực chỉ huy, trực ban 24/24 giờ trong suốt thời gian bão đổ bộ.

- Tuyệt đối không để người ở lại trên tàu thuyền, lồng bè khi bão đổ bộ;

- Đảm bảo an ninh, trật tự, cung cấp lương thực, thực phẩm, thuốc men tại các địa điểm sơ tán dân.

- Thường trực lực lượng, phương tiện, vật tư tại các trọng điểm xung yếu để sẵn sàng cứu hộ công trình đê điều, hồ đập, công trình phòng chống lụt bão.

- Đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy ứng phó.

- Điều tiết hoạt động giao thông trên Quốc lộ 1, Quốc lộ 10 và các đường tỉnh lộ, liên huyện, xã tại các địa phương có khả năng bị ảnh hưởng của bão, cấm các phương tiện lưu thông qua khu vực bão đổ bộ vào đất liền (trừ các phương tiện đang thực hiện nhiệm vụ phòng, chống lụt, bão).

- Ban chỉ huy PCTT & TKCN các huyện, thành phố thường xuyên cập nhật thông tin mọi diễn biến, ảnh hưởng của bão. Kịp thời báo cáo những thiệt hại do bão gây ra về Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh để có chỉ đạo phương án xử lý phù hợp.

- Thực hiện cơ chế chỉ huy tập trung, thống nhất do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Trưởng Ban chỉ huy PCTT & TKCN huyện, thành phố trực tiếp chỉ huy, điều hành, phân công các lực lượng có mặt trên địa bàn huyện, thành phố trong quá trình ứng phó với bão. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định việc triển khai các biện pháp ứng phó trên địa bàn mình quản lý để giải quyết các sự cố do bão gây ra.

3.2. Trách nhiệm của cộng đồng dân cư

- Tuyệt đối chấp hành theo các mệnh lệnh của nhà nước, trong thời gian bão đổ bộ không được đi ra ngoài; không được ở lại các chòi canh, lồng, bè nuôi trồng thủy, hải sản; trên các tàu thuyền ở nơi neo đậu.

- Có trách nhiệm giữ gìn trật tự an ninh nơi ở và nơi sơ tán.

4. Triển khai khắc phục sau khi bão đi qua.

4.1. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức đưa người dân sơ tán, di dời trước bão về nơi ở cũ an toàn.

- Tiếp tục công tác ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn.

- Trợ giúp hàng hóa, lương thực, thực phẩm thiết yếu, nước uống, chăm sóc y tế nhằm đảm bảo điều kiện sinh hoạt, đời sống cho nhân dân.

- Tổ chức lực lượng xung kích, tình nguyện giúp nhân dân khắc phục hậu quả, sửa chữa, xây dựng lại nhà ở, bảo vệ an ninh trật tự và tài sản của nhân dân, doanh nghiệp, nhà nước trong vùng bị ảnh hưởng của bão.

- Trong thời gian ngắn nhất, huy động nguồn lực tổ chức thu dọn cây xanh, cột điện, công trình, thiết bị ngã đổ; sửa chữa trường học, trạm xá, bệnh viện, các công trình bị hư hỏng; đảm bảo giao thông, nước sạch, điện, viễn thông thông suốt; tiêu độc, khử trùng, vệ sinh môi trường, phòng dịch tại vùng bị ảnh hưởng của bão...

- Tổ chức ngay công tác thăm hỏi, động viên các hộ dân bị thiệt hại do ảnh hưởng của bão, chủ động thực hiện phương châm “bốn tại chỗ” có hiệu quả trong việc khắc phục hậu quả tại các đơn vị cơ sở, xã, phường, thị trấn.

- Tổ chức kiểm kê, đánh giá xác định thiệt hại theo đúng quy định và báo cáo cho Ban chỉ huy PCTT & TKCN cấp trên.

- Cảnh báo người dân biết những nguy hiểm để người dân cảnh giác, đề phòng khi khắc phục hậu quả và trường hợp có mưa lũ sau bão theo các phương án đã xây dựng.

4.1.1. Lực lượng vũ trang: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh: Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị và chính quyền địa phương huy động lực lượng, sử dụng các phương tiện, trang thiết bị, đồng thời báo cáo với Bộ tư lệnh Quân khu III, Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để xin tăng cường phương tiện và lực lượng tham gia cùng với lực lượng địa phương để triển khai ngay các phương án, kế hoạch tìm kiếm cứu

hộ, cứu nạn khắc phục sự cố đê điều, giúp các địa phương khắc phục thiệt hại do bão gây ra. Đảm bảo an ninh, trật tự, phòng ngừa, ngăn chặn các đối tượng lợi dụng bão để hoạt động phạm tội.

4.1.2. Sở Giao thông vận tải: Chỉ đạo các đơn vị quản lý, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, xử lý khắc phục đảm bảo giao thông, cùng với lực lượng an ninh thực hiện phân luồng giao thông, đảm bảo thông tuyến trong thời gian sớm trên tất cả các tuyến đường. Tổng hợp thiệt hại về công trình giao thông báo cáo Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh.

4.1.3. Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở Giao thông, Phòng Kinh tế, Phòng Quản lý đô thị thành phố tiến hành khắc phục ngay các sự cố nhà cao tầng, các khu chung cư bị sập đổ, hư hỏng nặng do bão gây ra. Khẩn trương tiến hành thu dọn cây xanh bị ngã đổ đảm bảo giao thông được thông suốt, nhất là các tuyến đường chính vào các huyện, thành phố. Tổ chức dọn dẹp vệ sinh đường phố sạch sẽ. Rà soát các cây xanh có nguy cơ bị ngã đổ để có biện pháp chặt tỉa, khôi phục.

4.1.4. Sở Y tế: Điều động lực lượng Y, bác sĩ, các đội cấp cứu, phương tiện, thiết bị hỗ trợ cho các đơn vị trực thuộc nằm trong vùng chịu ảnh hưởng của các huyện, thành phố để cứu thương, điều trị bệnh nhân, phòng dịch kịp thời. Sau thiên tai thực hiện tiêu độc khử trùng, vệ sinh phòng dịch.

4.1.5. Tài nguyên và Môi trường: Chỉ đạo các địa phương thực hiện xử lý môi trường những vùng bị úng lụt.

4.1.6. Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình: Đảm bảo an toàn mạng lưới điện, huy động lực lượng và các phương tiện, thiết bị để khắc phục sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng trong thời gian sớm nhất.

4.1.7. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo các doanh nghiệp Bru chính viễn thông trên địa bàn và UBND các huyện, thành phố thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn mạng lưới, không để gián đoạn thông tin trong thời gian khắc phục sau khi bão đi qua.

4.1.8. Sở Giáo dục: Tiến hành vệ sinh, khắc phục ngay các hư hỏng của các phòng học do thiên tai gây ra, để sớm ổn định việc dạy và học của nhà trường.

4.1.9. Sở Nông nghiệp và PTNT: Chỉ đạo, hướng dẫn cho các địa phương, đơn vị khẩn trương khắc phục sự cố đê điều, triển khai phục hồi sản xuất nông nghiệp; tổng hợp tình hình thiệt hại và tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ khắc phục thiệt hại theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ và các quy định hiện hành. Đồng thời tham mưu cho UBND tỉnh các văn bản đề xuất Chính phủ hỗ trợ kinh phí để tái thiết sau thiên tai.

4.1.10. Sở Công Thương: Chỉ đạo các công ty thương mại, siêu thị tổ chức các chợ tạm, xe bán hàng lưu động tại các địa điểm xảy ra thiên tai, để cung cấp đầy đủ các mặt hàng nhu yếu phẩm cho người dân; chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường phối hợp với các đơn vị chức năng tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, găm hàng, nâng giá, nhất là lương thực, thực phẩm thiết yếu, nước uống, vật liệu xây dựng, nhiên liệu, chất đốt.

4.1.11. *Đoàn TNCS Hồ Chí Minh*: Huy động lực lượng đoàn viên, thanh niên tình nguyện trực tiếp xuống địa bàn giúp nhân dân dọn dẹp vệ sinh, sửa chữa lại nhà ở bị hư hỏng, tiếp tế lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm khác cho nhân dân các khu vực bị thiệt hại, giúp nhân dân khôi phục sản xuất.

4.1.12. *Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*: Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương tiến hành rà soát các gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai để có phương án trợ giúp nhằm ổn định đời sống và sản xuất. Khi thiên tai xảy ra trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, chỉ đạo các địa phương thực hiện ngay việc cứu trợ kịp thời theo quy định hiện hành.

4.1.13. *Các cơ quan đoàn thể*: Vận động các ngành, các cấp, các tổ chức khác cứu trợ thiên tai cho những hộ bị thiệt hại đang gặp khó khăn và vận động nhân dân địa phương đóng góp để xây dựng sửa chữa nhà và giúp đỡ các hộ bị thiệt hại ổn định đời sống. Tổ chức giúp đỡ các vùng thiên tai dọn vệ sinh, đảm bảo môi trường.

4.1.14. *Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ*: Tổ chức cứu trợ về lương thực, thực phẩm, thuốc men, hỗ trợ kinh phí cho người dân bị thiệt hại sớm ổn định cuộc sống, nhất là hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, neo đơn. Kêu gọi tập thể, cá nhân trong nước và các tổ chức Quốc tế giúp đỡ tiền hàng, lương thực, .. cứu trợ nhân đạo cho cộng đồng dân cư với phương châm "Lá lành đùm lá rách"; tổ chức tiếp nhận, lập phương án phân phối tiền, hàng cứu trợ đúng đối tượng, công bằng, chú ý gia đình chính sách, các hộ nghèo, neo đơn theo quy định.

4.1.15. *Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh Ninh Bình*: Giải quyết kịp thời cho nhân dân và các đơn vị sản xuất vay vốn mua sắm vật tư hàng hoá cần thiết phục vụ cho việc khôi phục sản xuất sau bão, lụt.

4.1.16. *Sở Tài chính*:

- Thực hiện tốt Quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, ứng phó thiên tai, thảm họa (ban hành kèm theo Quyết định số 118/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính Phủ).

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kịp thời kinh phí đảm bảo cho công tác khắc phục hậu quả, hỗ trợ khó khăn cho vùng bị ảnh hưởng bởi bão, lũ gây ra.

4.1.17. *Chủ tịch UBND các huyện, thành phố*

- Tập trung khôi phục (có trọng điểm) các công trình bị hư hỏng phục vụ cho công tác phục hồi dân sinh, kinh tế và an ninh, Quốc phòng, chống đỡ với các đợt bão lũ tiếp theo ở mức độ cao hơn;

- Tổng hợp tình hình thiệt hại báo cáo cho Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc các cấp phân phối hàng cứu trợ và kinh phí hỗ trợ (nếu có) đúng đối tượng, công bằng, kịp thời;

- Gieo trồng lại hoặc chăm bón các loại cây trồng bị bão lũ làm hư hỏng, kịp thời ứng cứu, giúp đỡ các gia đình bị nạn do bão lụt gây ra;

- Xử lý môi trường những vùng bị úng lụt, bão gây ra để đề phòng dịch bệnh cho người và gia súc.

4.2. Người dân vùng bị ảnh hưởng.

Nhanh chóng trở về để ổn định cuộc sống. Thực hiện vệ sinh nhà cửa, sửa chữa hư hỏng nhà cửa, công trình. Chung tay dọn vệ sinh môi trường. Thực hiện sản xuất sau bão lụt.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ phương án này rà soát, bổ sung hoàn chỉnh Phương án phòng, tránh, ứng phó khi bão mạnh, siêu bão đổ bộ trực tiếp vào địa bàn quản lý.

2. Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị theo nhiệm vụ trong phương án, kiểm tra, rà soát lại phương án PCTT & TKCN của ngành mình để thực hiện tốt nhiệm vụ.

3. Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh, theo nhiệm vụ và địa bàn được phân công phụ trách chỉ đạo.

4. Trong chỉ đạo, điều hành ứng phó bão mạnh, siêu bão cần tập trung lực lượng, phương tiện ứng cứu hiệu quả các khu vực xung yếu, di dời dân đến nơi an toàn để tránh xảy ra thiệt hại về người, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về tài sản.

5. Các tổ chức, lực lượng đóng trên địa bàn các huyện, thành phố, phường, xã, thị trấn phải chịu mọi sự điều động và chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đảm bảo cơ chế chỉ huy tập trung, thống nhất trong công tác chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả đảm bảo quá trình xử lý sự cố thiên tai được kịp thời, nhanh chóng và an toàn cho nhân dân.

6. Phương án này thay thế cho Phương án số 10/PA-UBND ngày 27/7/2015 của UBND tỉnh về triển khai ứng phó với tình huống bão rất mạnh và siêu bão tỉnh Ninh Bình.

Trên đây là phương án Ứng phó với bão mạnh và siêu bão tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, đề xuất biện pháp giải quyết, gửi về Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn;
 - Ban Chỉ đạo PCTT&TKCN Trung ương;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
 - Đài PTTH tỉnh; Báo Ninh Bình;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Văn phòng Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh;
 - Lưu VT, VP2, VP3; TTTH.
- bh.PA02

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Chung Phụng



PHỤ LỤC 1A

TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN ĐÒI VỚI KỊCH BẢN 1

(Kèm theo Phương án số: 45 /PA-UBND ngày 27 /7/2018 của UBND tỉnh)

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
I	Huyện Kim Sơn	506	1.738	2.244		
1	Khu vực ngoài đê Bình Minh II		1.738	1.738	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
2	Kim Hải	269		269	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
3	Kim Đông	237		237	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô



PHỤ LỤC 1B

TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN ĐỐI VỚI KỊCH BẢN 2

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
I	Huyện Kim Sơn	11.093	2.363	13.456		
1	Khu vực ngoài đô Bình Minh II		1.738	1.738	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
2	Bình Minh	379		379	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
3	Xuân Thiện	607		607	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
4	Hồi Ninh	409		409	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
5	Chính Tâm	898		898	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
6	Kim Định	815		815	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
7	Ân Hòa	532		532	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
8	Hùng Tiến	286		286	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
9	Quang Thiện	503		503	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
10	Như Hòa	171		171	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
11	Chát Bình	1.300	625	1.925	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
12	Đồng Hương	642		642	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
13	Kim Chính	188		188	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
14	Thượng Kiệt	355		355	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
15	Lưu Phương	607		607	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
16	Kim Tân	1.184		1.184	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
17	Cồn Thoi	1.267		1.267	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
18	Kim Hải	345		345	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
19	Kim Đông	605		605	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô

PHỤ LỤC 1B
TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN ĐỐI VỚI KỊCH BẢN 2

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
II	Huyện Yên Khánh	6.214	743	6.957		
1	Khánh Cường	1.488		1.488	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
2	Khánh Thiện	230		230	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
3	Khánh Trung	1.496		1.496	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
4	Khánh Công	1.500	285	1.785	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
5	Khánh Thành	1.500	458	1.958	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
Tổng cộng		17.307	3.106	20.413		



PHỤ LỤC 1C

TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN ĐỐI VỚI KỊCH BẢN 3

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
I	Huyện Kim Sơn	14.329	2.438	16.767		
1	Khu vực ngoài đê Bình Minh II		1.738	1.738	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
2	Bình Minh	387		387	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
3	Xuân Thiện	643		643	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
4	Hồi Ninh	480		480	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
5	Chính Tâm	917		917	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
6	Kim Định	1.175		1.175	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
7	Ân Hòa	834		834	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
8	Hùng Tiến	501		501	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
9	Quang Thiện	669		669	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
10	Như Hòa	192		192	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
11	Chát Bình	1.300	700	2.000	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
12	Đồng Hướng	714		714	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
13	Kim Chính	488		488	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
14	Thượng Kiệm	767		767	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
15	Lưu Phương	756		756	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
16	Kim Tân	1.850		1.850	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
17	Cồn Thoi	1.642		1.642	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
18	Kim Hải	402		402	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
19	Kim Đông	612		612	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô

PHỤ LỤC 1C
TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN ĐỐI VỚI KỊCH BẢN 3

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
II	Huyện Yên Khánh	6.701	1.575	8.276		
1	Khánh Cường	1.500	23	1.523		
2	Khánh Thiện	395	-	395	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
3	Khánh Trung	1.600	507	2.107	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
4	Khánh Mậu	206		206	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
5	Khánh Công	1.500	567	2.067	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
6	Khánh Thành	1.500	478	1.978	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
	Tổng cộng	21.030	4.013	25.043		Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô



PHỤ LỤC 1D

TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN ĐỐI VỚI KỊCH BẢN 4

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
I	Huyện Kim Sơn	19.673	3.907	23.580		
1	Khu vực ngoài đê Bình Minh II		1.738	1.738	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
2	Bình Minh	412		412	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
3	Xuân Thiện	688		688	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
4	Hồi Ninh	1.581		1.581	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
5	Chính Tâm	1.038		1.038	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
6	Kim Định	1.700	930	2.630	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
7	Ân Hòa	1.599		1.599	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
8	Hùng Tiến	1.135		1.135	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
9	Quang Thiện	756		756	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
10	Như Hòa	562		562	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
11	Chất Bình	1.300	1.239	2.539	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
12	Đồng Hương	1.132		1.132	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
13	Kim Chính	809		809	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
14	Thượng Kiệt	1.114		1.114	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
15	Lưu Phương	960		960	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
16	Kim Tân	2.046		2.046	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
17	Cồn Thoi	1.734		1.734	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
18	Kim Hải	425		425	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
19	Kim Đông	682		682	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô

PHỤ LỤC 1D
TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN ĐỐI VỚI KỊCH BẢN 4

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
II	Huyện Yên Khánh	8.364	2.622	10.986		
1	Khánh Cường	1.500	517	2.017	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
2	Khánh Thiện	428	-	428	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
3	Khánh Trung	1.600	741	2.341	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
4	Khánh Mậu	927		927	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
5	Khánh Hội	909	-	909	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
6	Khánh Công	1.500	803	2.303	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
7	Khánh Thành	1.500	561	2.061	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
Tổng cộng		28.037	6.529	34.566		



PHỤ LỤC 1E

TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN ĐỐI VỚI KỊCH BẢN 5

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
I	Huyện Kim Sơn	25.639	4.104	29.743		
1	Khu vực ngoài đê Bình Minh II		1.738	1.738	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
2	Bình Minh	897		897	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
3	Xuân Thiện	689		689	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
4	Hồi Ninh	1.601		1.601	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
5	Chính Tâm	1.050		1.050	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
6	Kim Định	1.700	932	2.632	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
7	Ân Hòa	2.026		2.026	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
8	Hùng Tiến	1.642		1.642	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
9	Quang Thiện	1.262		1.262	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
10	Như Hòa	1.155		1.155	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
11	Chát Bình	1.300	1.239	2.539	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
12	Đồng Hướng	1.606		1.606	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
13	Kim Chính	1.613		1.613	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
14	Thượng Kiệm	1.260		1.260	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
15	Lưu Phương	1.043		1.043	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
16	Kim Tân	2.100	195	2.295	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
17	Kim Mỹ	1.087		1.087	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
18	Cồn Thoi	1.936		1.936	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
19	Kim Hải	851		851	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
20	Kim Đông	821		821	Nhà 2, 3 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô

PHỤ LỤC 1E
TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN ĐỐI VỚI KỊCH BẢN 5

STT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán			Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
II	Huyện Yên Khánh	8.907	3.169	12.076		
1	Khánh Cường	1.500	772	2.272	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
2	Khánh Thiện	427	-	427	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
3	Khánh Trung	1.600	911	2.511	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
4	Khánh Mậu	1.400	53	1.453	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
5	Khánh Hội	980	-	980	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
6	Khánh Công	1.500	832	2.332	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
7	Khánh Thành	1.500	601	2.101	Nhà 2 tầng kiên cố	Đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô
Tổng cộng		34.546	7.273	41.819		



PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP ĐỊA ĐIỂM PHỤC VỤ SƠ TÁN DÂN

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến
I	Huyện Kim Sơn				46.850
1	Bình Minh				3.500
		Trụ sở UB xã	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học TT Bình Minh	Nhà 2 tầng gồm 18 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	900
		Trường THCS TT Bình Minh	Nhà 2 tầng gồm 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	600
		Trường PTTH Bình Minh	Nhà 2 tầng gồm 30 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	1.500
2	Xuân Thiện				1.300
		Trụ sở UB xã	Nhà 3 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Xuân Thiện	Nhà 2 tầng gồm 6 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	300
		Trường THCS xã Xuân Thiện	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
3	Hồi Ninh				1.700
		Trụ sở UB xã	Nhà 3 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Hồi Ninh	Nhà 2 tầng gồm 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	600
		Trường THCS xã Hồi Ninh	Nhà 2 tầng gồm 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	600
4	Chính Tâm				1.300
		Trụ sở UB xã	Nhà 3 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Chính Tâm	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến
		Trường THCS xã Chính Tâm	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400
5	Kim Định				1.700
		Trụ sở UB xã	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Kim Định	Nhà 2 tầng gồm 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	600
		Trường THCS xã Kim Định	Nhà 2 tầng gồm 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	600
6	Ấn Hòa				2.300
		Trụ sở UB xã	Nhà 3 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Ấn Hòa	Nhà 2 tầng gồm 18 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	900
		Trường THCS xã Ấn Hòa	Nhà 2 tầng gồm 18 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	900
7	Hùng Tiến				3.500
		Trụ sở UB xã	Nhà 3 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Hùng Tiến	Nhà 2 tầng gồm 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	600
		Trường THCS xã Hùng Tiến	Nhà 2 tầng gồm 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	600
		Trường PTTH Kim Sơn B	Nhà 3 tầng gồm 36 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	1.800
8	Quang Thiện				3.000
		Trụ sở UB xã	Nhà 3 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Quang Thiện	Nhà 2 tầng gồm 25 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	1.250
		Trường THCS xã Quang Thiện	Nhà 3 tầng gồm 25 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	1.250

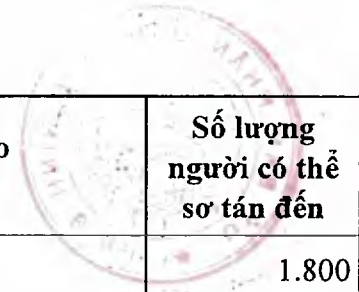


STT Xã, phường		Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến
9		Như Hòa			1.300
		Trụ sở UB xã	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Như Hòa	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400
		Trường THCS xã Như Hòa	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400
10		Chát Bình			1.300
		Trụ sở UB xã	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Chát Bình	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400
		Trường THCS xã Chát Bình	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400
11		Đồng Hướng			2.300
		Trụ sở UB xã	Nhà 3 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Đồng Hướng	Nhà 2 tầng gồm 24 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	1.200
		Trường THCS xã Đồng Hướng	Nhà 2 tầng gồm 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	600
12		Kim Chính			2.600
		Trụ sở UB xã	Nhà 3 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Mầm non Kim Chính	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Kim Chính	Nhà 2 tầng gồm 24 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	1.200
		Trường THCS xã Kim Chính	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400
13		Thượng Kiệt			2.100

STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến
		Trụ sở UB xã	Nhà 3 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Thượng Kiêm	Nhà 2 tầng gồm 16 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	800
		Trường THCS xã Thượng Kiêm	Nhà 2 tầng gồm 16 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	800
14	Lưu Phương				1.600
		Trụ sở UB xã	Nhà 3 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Lưu Phương	Nhà 2 tầng gồm 14 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	700
		Trường THCS xã Lưu Phương	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400
15	Định Hóa				1.900
		Trụ sở UB xã	Nhà 3 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Mầm non xã Định Hóa	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400
		Trường Tiểu học xã Định Hóa	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường THCS xã Định Hóa	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
16	Văn Hải				2.400
		Trụ sở UB xã	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Mầm non xã Văn Hải	Nhà 2 tầng gồm 4 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	200
		Trường THCS xã Văn Hải	Nhà 2 tầng gồm 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	600
		Trường Tiểu học xã Văn Hải	Nhà 2 tầng gồm 22 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	1.100
17	Kim Tân				2.100



STT Xã, phường		Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến
		Trụ sở UB xã	Nhà 3 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Mầm non Kim Tân	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400
		Trường Tiểu học xã Kim Tân	Nhà 2 tầng gồm 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	600
		Trường THCS xã Kim Tân	Nhà 2 tầng gồm 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	600
18	Kim Mỹ				2.600
		Trụ sở UB xã	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Mầm non B xã Kim Mỹ	Nhà 2 tầng gồm 6 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	300
		Trường Tiểu học A xã Kim Mỹ	Nhà 2 tầng gồm 18 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	900
		Trường THCS xã Kim Mỹ	Nhà 2 tầng gồm 18 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	900
19	Cồn Thoi				2.850
		Trụ sở UB xã	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Mầm non xã Cồn Thoi	Nhà 2 tầng gồm 14 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	700
		Trường Tiểu học xã Cồn Thoi	Nhà 2 tầng gồm 20 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	1.000
		Trường THCS xã Cồn Thoi	Nhà 2 tầng gồm 13 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	650
20	Kim Hải				1.700
		Trụ sở UB xã	Nhà 3 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Kim Hải	Nhà 2 tầng gồm 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	600
		Trường THCS xã Kim Hải	Nhà 2 tầng gồm 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	600



STT	Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến
21	Kim Trung				1.800
		Trụ sở UB xã	Nhà 3 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Kim Trung	Nhà 2 tầng gồm 14 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	700
		Trường THCS xã Kim Trung	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400
		Trường Mần non xã Kim Trung	Nhà 2 tầng gồm 4 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	200
22	Kim Đông				2.000
		Trụ sở UB xã	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã Kim Đông	Nhà 2 tầng gồm 22 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	1.100
		Trường THCS xã Kim Đông	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400
II	Huyện Yên Khánh				11.700
1	Khánh Cường				1.500
		Trụ sở UB	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường THCS xã	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
2	Khánh Thiện				1.300
		Trụ sở UB	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400
		Trường THCS xã	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400
3	Khánh Trung				1.600
		Trụ sở UB	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường Tiểu học xã	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường THCS xã	Nhà 2 tầng gồm 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	600



STT Xã, phường	Tên địa điểm	Mô tả quy mô, kết cấu	Đánh giá chất lượng đảm bảo sơ tán dân	Số lượng người có thể sơ tán đến		
4	Khánh Mậu			1.400		
		Trụ sở UB	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500	
		Trường Tiểu học xã	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500	
5	Khánh Hội	Trường THCS xã	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400	
					1.500	
			Trụ sở UB	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
6	Khánh Công	Trường Tiểu học xã	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500	
			Trường THCS xã	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
					1.500	
7	Khánh Thành	Trụ sở UB	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500	
			Trường Tiểu học xã	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400
			Trường THCS xã	Nhà 2 tầng gồm 12 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	600
8	Khánh Hồng				1.500	
			Trụ sở UB	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
			Trường Tiểu học xã	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
			Trường THCS xã	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
			Trụ sở UB	Nhà 2 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
			Trường Tiểu học xã	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
			Trạm y tế xã	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400
	Trường THCS xã	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500		
					1.400	
			Trụ sở UB	Nhà 3 tầng kiên cố	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
			Trường Tiểu học xã	Nhà 2 tầng gồm 10 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	500
		Trường THCS xã	Nhà 2 tầng gồm 8 phòng	Đảm bảo sơ tán an toàn với bão cấp 16 trở xuống	400	



PHỤ LỤC 3: LỰC LƯỢNG DỰ KIẾN HUY ĐỘNG ỨNG PHÓ

STT	Lực lượng	Bộ Chỉ huy quân sự	Bộ đội Biên phòng	Công an	Y tế	Thanh niên tình nguyện, lượng địa phương điều động	Doanh nghiệp huy động	Hội chữ thập đỏ	Lực lượng chính quyền đoàn thể	Lực lượng dân quân
I	Cấp tỉnh	450	50	500	100	30	15	15	30	
II	Cấp huyện	390	75	500	200	30	20		25	
III	Cấp xã					365				360
	<i>Huyện Kim Sơn</i>					264				276
1	Khu vực ngoài đê Bình Minh II					10				48
2	Bình Minh					10				12
3	Xuân Thiện					10				12
4	Hôi Ninh					10				12
5	Chính Tâm					10				12
6	Kim Định					12				12
7	Ấn Hòa					15				12
8	Hùng Tiến					12				12
9	Quang Thiện					18				12
10	Như Hòa					11				12
11	Chát Bình					11				12
12	Đồng Hương					17				12
13	Kim Chính					15				12
14	Thượng Kiệm					14				12
15	Lưu Phương					14				12
16	Kim Tân					14				12
17	Kim Mỹ					23				12
18	Cồn Thoi					18				12
19	Kim Hải					10				12
20	Kim Đông					10				12

PHỤ LỤC 3: LỰC LƯỢNG DỰ KIẾN HUY ĐỘNG ỨNG PHÓ

STT	Lực lượng	Bộ Chỉ huy quân sự	Bộ đội biên phòng	Công an	Y tế	Thanh niên tình nguyện, lượng địa phương điều động	Doanh nghiệp huy động	Hội chữ thập đỏ	Lực lượng chính quyền đoàn thể	Lực lượng dân quân
	<i>Huyện Yên Khánh</i>					101				84
1	Khánh Cường					14				12
2	Khánh Thiện					10				12
3	Khánh Trung					22				12
4	Khánh Mậu					14				12
5	Khánh Hội					14				12
6	Khánh Công					12				12
7	Khánh Thành					15				12
	Tổng	840	125	1.000	300	425	35	15	55	360



PHU LỤC 4: PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ DỰ KIẾN HUY ĐỘNG

STT	Xã, phường	Phương tiện						Trang thiết bị		Ghi chú
		Xe ≤ 16 chỗ	Xe 25-29 chỗ	Xe 45 chỗ	Máy xúc, cầu	Thuyền, xuồng máy, ...	Ô tô tải, ô tô các loại	Nhà bạt các loại	Phao các loại	
I	Cấp tỉnh	148	16	7	25	51	221	274	7.285	
1	Sở Thông tin và Truyền Thông	20			2		6			
2	Sở Lao động TB & XH	2					2			
3	Sở Tài Nguyên & Môi Trường	7					2			
4	Sở Giao thông Vận tải	100			17	12	160	6	264	
5	Sở Xây dựng	2	2				5			
6	Sở Công thương	2	3				3			
7	Đài Phát thanh & TH	3								
8	Công ty TNHH MTV Điện lực NB	2			6		9			
9	Công an tỉnh	2	9	7		24	17	141	2.325	
10	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	7						17	800	
11	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	2			15	17	110	3.896	
II	Cấp huyện	4	0	0	8	0	15	38	1.658	
1	Huyện Kim sơn	2			5		9	23	951	
2	Huyện Yên Khánh	2			3		6	15	707	
III	Cấp xã	68	10	6	59	0	157			
	<i>Huyện Kim Sơn</i>	<i>49</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>39</i>	<i>0</i>	<i>103</i>			
1	Khu vực ngoài đê Bình Minh II	5			2		10			
2	Bình Minh	3			2		6			
3	Xuân Thiệp	2			1		8			
4	Hội Ninh	2			2		5			
5	Chính Tâm	2			1		4			
6	Kim Định	2			3		5			
7	Ấn Hòa	3			2		3			
8	Hùng Tiến	2			1		6			

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ DỰ KIẾN HUY ĐỘNG

STT	Xã, phường	Phương tiện					Trang thiết bị		Ghi chú
		Xe ≤ 16 chỗ	Xe 25-29 chỗ	Xe 45 chỗ	Máy xúc, cầu	Thuyền, xuồng máy, ...	Ô tô tải, ô tô các loại	Nhà bạt các loại	
9	Quang Thiện	1			3		4		
10	Như Hòa	3			2		3		
11	Chát Bình	3			1		6		
12	Đồng Hướng	2			3		2		
13	Kim Chính	2			2		5		
14	Thượng Kiệm	1			2		3		
15	Lưu Phương	3			1		4		
16	Kim Tân	3			2		3		
17	Kim Mỹ	2			3		6		
18	Cồn Thoi	3			2		5		
19	Kim Hải	2			1		7		
20	Kim Đông	3			3		8		
	Huyện Yên Khánh	19	10	6	20	0	54		
1	Khánh Cường	4		1	3		14		
2	Khánh Thiện	4	1	2	5		11		
3	Khánh Trung	2			2		10		
4	Khánh Mậu	1	1		1		6		
5	Khánh Hội	2	2	1	2		3		
6	Khánh Công	2	2		2		5		
7	Khánh Thành	4	4	2	5		5		
	Tổng cộng	220	26	13	92	51	393	312	8.943



PHỤ LỤC 5

DANH SÁCH CÁC ĐIỂM NEO ĐẬU TÀU THUYỀN TRÁNH TRÚ BÃO

STT	Xã, phường	Địa điểm neo đậu	Mô tả	Số lượng tàu thuyền neo đậu	Ghi chú
I	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh			170	
1	Xã Côn Thoi	Khu vực Âu cống mới		20	
		Khu vực âu cống Tùng Thiện		20	
		Khu Vực neo đậu tàu thuyền giáp sông Đáy	dài 2,8 km	100	
2	Xã Kim Tân	Cống tưới tiêu		30	
II	huyện Kim Sơn	Bến Thủy Cơ, cống Như Tân, cống Kè Đông, cống Càn		88	
III	Huyện Yên Khánh			116	
1	Khánh Phú	Cảng nhà máy đạm, xưởng đóng tàu Hòa Khánh		18	
2	Khánh An	Cảng Khánh An		20	
3	Thị trấn Yên Ninh	Âu Cầu Thượng		4	
4	Khánh Hồng	Bến dò dưới		2	
5	Khánh Hội	Cống Đỉnh Đồi		3	
6	Khánh Tiên	Đò Độc Bộ, cống Thôn Năm		19	
7	Khánh Thiện	Đò Xanh, Âu xanh		25	
8	Khánh Trung	Bến dò Tam Tòa		5	
9	Khánh Thành	Bến dò 10, 16		5	
10	Khánh Công	Bến dò ông Định, ông Nhạc		15	



PHỤ LỤC 6: DỰ TRỮ LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM, NHIÊN LIỆU DỰ KIẾN

STT	Tên xã, phường	Lương thực, thực phẩm				Nhiên liệu			Vật liệu			Hàng hóa khác	
		Mỹ ăn liên (thùng)	Lương khô (thùng)	Gạo (tấn)	Nước uống (thùng)	Thực phẩm khác	Xăng (lít)	Dầu diezen (lít)	Dầu hỏa (lít)	Tôn lợp (tấm)
I	Huyện Kim Sơn	8.924	2.704	4.283	14.871		24.784	19.827					
1	Khu vực ngoài đô Bình Minh II	521	158	250	869		1.448	1.159					
2	Bình Minh	269	82	129	449		748	598					
3	Xuân Thiện	207	63	99	345		574	459					
4	Hội Ninh	480	146	231	801		1.334	1.067					
5	Chính Tâm	315	95	151	525		875	700					
6	Kim Định	789	239	379	1.315		2.192	1.753					
7	Ân Hòa	608	184	292	1.013		1.688	1.351					
8	Hùng Tiến	493	149	236	821		1.368	1.095					
9	Quang Thiện	379	115	182	631		1.052	841					
10	Như Hòa	347	105	166	578		963	770					
11	Chát Bình	762	231	366	1.270		2.116	1.693					
12	Đồng Hương	482	146	231	803		1.338	1.071					
13	Kim Chính	484	147	232	807		1.344	1.075					
14	Thượng Kiệt	378	115	181	630		1.050	840					
15	Lưu Phương	313	95	150	522		869	695					
16	Kim Tân	689	209	330	1.148		1.913	1.530					
17	Kim Mỹ	326	99	157	544		906	725					
18	Cồn Thoi	581	176	279	968		1.613	1.291					
19	Kim Hải	255	77	123	426		709	567					
20	Kim Đông	246	75	118	411		684	547					

PHỤ LỤC 6: DỰ TRỮ LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM, NHIÊN LIỆU DỰ KIẾN

STT	Tên xã, phường	Lương thực, thực phẩm					Nhiên liệu			Vật liệu			Hàng hóa khác	
		Mỳ ăn liền (thùng)	Lương khô (thùng)	Gạo (tấn)	Nước uống (thùng)	Thực phẩm khác	Xăng (lít)	Dầu diezen (lít)	Dầu hỏa (lít)	Tôn lợp (tám)
II	Yên Khánh	3.623	1.098	1.739	6.038		16.063	8.051						
1	Khánh Cường	682	207	327	1.136		1.893	1.515						
2	Khánh Thiện	128	39	61	214		356	285						
3	Khánh Trung	753	228	362	1.256		2.093	1.674						
4	Khánh Mậu	436	132	209	727		1.211	969						
5	Khánh Hội	294	89	141	490		817	653						
6	Khánh Công	700	212	336	1.166		1.943	1.555						
7	Khánh Thành	630	191	303	1.051		1.751	1.401						
III	Sở Y tế													
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản nhi					Mỗi đơn vị 02 cơ sở thuốc, y cụ và phương tiện								
2	Các Bệnh viện tuyến tỉnh còn lại, Bệnh viện Đa khoa các huyện, Trung tâm Cấp cứu 115 và Trung tâm y tế hai chức năng					Mỗi đơn vị 01 cơ sở thuốc, y cụ và phương tiện								
3	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh					02 cơ sở thuốc, hóa chất và trang thiết.								
4	Trung tâm y tế các huyện, thành phố					Mỗi đơn vị 01 cơ sở thuốc, hóa chất và trang thiết bị								



PHỤ LỤC 6: DỰ TRỮ LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM, NHIÊN LIỆU DỰ KIẾN

STT	Tên xã, phường	Lương thực, thực phẩm					Nhiên liệu			Vật liệu					Hàng hóa khác
		Mỹ ăn liên (thùng)	Lương khô (thùng)	Gạo (tấn)	Nước uống (thùng)	Thực phẩm khác	Xăng (lít)	Dầu diezen (lít)	Dầu hỏa (lít)	Tôn lợp (tấm)		
5	Bệnh viện Đa khoa Nho Quan, Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn và Trung tâm Y tế Gia Viễn					Phân bổ 70 cơ sở thuốc, 20 cơ sở dụng cụ y tế									
6	Phân bổ 200.000 viên Cloramin B (Của Bộ Y tế cấp) cho các BVĐK và TTYT huyện/thành phố <i>Trong đó:</i> + BVĐK huyện Nho Quan: 50.000 viên; + BVĐK huyện Kim Sơn: 50.000 viên; + TTYT huyện Gia Viễn: 50.000 viên; + TTYT huyện Hoa Lư: 15.000 viên; + TTYT TP Ninh Bình: 5.000 viên; + TTYT TP Tam Điệp, Yên Mô, Yên Khánh: Mỗi đơn vị 10.000 viên.														
7	Đối với việc mua thuốc sử dụng trong trường hợp đột xuất khi có thiên tai xảy ra, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN của ngành giao cho Tiểu ban Hậu cần hướng dẫn các cơ sở Y tế tự thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, với số lượng theo nhu cầu thực tế của đơn vị (<i>Theo hướng dẫn tại Công văn số 10/UBND-VP5 ngày 08/01/2018 của UBND tỉnh</i>)														
	Tổng cộng	12.547	3.802	6.022	20.909	-	34.848	27.878	-	-	-	-	-	-	-